

TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN VÀ BÀI HỌC VỀ XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

PGS, TS DƯƠNG TRUNG Ý

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

20-12-2021

Ngày thẩm định, đánh giá:

31-12-2021

Ngày duyệt đăng:

6-1-2022

Tóm tắt: Cách đây 75 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với quyết tâm sắt đá, bản lĩnh kiên cường, toàn thể dân tộc Việt Nam đã anh dũng bước vào cuộc chiến đấu oanh liệt, mở đầu cho cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Sự kiện toàn quốc kháng chiến năm 1946 đã trở thành biểu tượng của ý chí quyết chiến, quyết thắng, khí phách kiên cường và khát vọng hòa bình, độc lập của dân tộc Việt Nam, để lại nhiều bài học lịch sử quý giá đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Từ khóa:

Toàn quốc kháng chiến; bài học; xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; hiện nay.

1. Kiên trì nhân nhượng có nguyên tắc, quyết tâm bảo vệ hòa bình, độc lập tự do của dân tộc

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển của dân tộc - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Nhưng nền độc lập của dân tộc mới giành được không bao lâu, đất nước phải đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, thù trong, giặc ngoài, cùng một lúc đương đầu với nhiều kẻ thù, trong đó có thực dân Pháp chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Với khát vọng hòa bình, độc lập dân tộc, trên cơ sở giữ vững mục tiêu “Độc lập - Thống nhất của Tổ quốc, Tự do - Hạnh phúc của nhân dân”¹, Đảng, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những đối sách linh hoạt và nhân nhượng có nguyên tắc về sách

lược, quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do mới giành được.

Thực hiện nguyên tắc chiến lược “Dĩ bất biến ứng vạn biến”², để tránh tình thế bất lợi cùng một lúc phải chiến đấu với nhiều kẻ thù (quân đội Trung Hoa dân quốc, quân đội Anh và quân đội Pháp), Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn nhiều giải pháp tình thế về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao để thực hiện sách lược hòa hoãn với quân đội Tưởng, ngăn không cho quân Pháp mở rộng chiến tranh ra miền Bắc; đồng thời, tranh thủ mọi khả năng hòa bình để có thêm thời gian củng cố chính quyền và xây dựng, phát triển lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp. Tiếp đó, bằng việc Chính phủ Việt Nam ký *Hiệp định Sơ bộ* ngày 6-3-1946 với Chính phủ Pháp để đuổi 20 vạn quân Tưởng về nước; đồng

thời, tiếp tục nỗ lực tìm kiếm hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng mọi mặt, sẵn sàng kháng chiến.

Mặc dù *Hiệp định Sơ bộ* được Chính phủ Pháp phê duyệt, nhưng bộ máy chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã phá bỏ những điều khoản cam kết, không chịu thi hành và tiếp tục mở rộng chiến tranh ở miền Nam. “Tổ quốc gặp những bước khó khăn. Nhưng con thuyền “cách mạng đang lượn những mòm đá ghềnh để lướt tới”. Chúng ta “hòa với Pháp để dành thời gian, bảo toàn thực lực, giữ vững lập trường...”³. Do cuộc đấu tranh kiên quyết và bền bỉ của nhân dân ta, ngày 6-7-1946, cuộc đàm phán chính thức giữa phái đoàn Chính phủ Việt Nam, do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu với Chính phủ Pháp được tiến hành tại Phôngtenoblô (Pháp). Lập trường đúng đắn và kiên quyết của Chính phủ Việt Nam được nhân dân Pháp và dư luận tiến bộ trên thế giới đồng tình, ủng hộ. Song cuộc đàm phán này không đem lại kết quả, do thái độ ngoan cố và lập trường hiếu chiến của thực dân Pháp. Nguy cơ một cuộc chiến tranh ác liệt kéo dài, có quy mô toàn quốc đến rất gần. Trước tình thế đó, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn kiên trì sách lược hòa hoãn, tìm mọi cách để tạm hòa với Pháp. Ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước như một nỗ lực cuối cùng để cứu vãn nền hòa bình. Tuy còn có những vấn đề cơ bản chưa được giải quyết, song việc ký Tạm ước đã thể hiện rõ chủ trương sẵn sàng nhân nhượng có nguyên tắc đến mức cao nhất có thể được của Việt Nam.

Có thể nói, các nỗ lực ngoại giao bằng việc ký *Hiệp định Sơ bộ* 6-3 và *Tạm ước* 14-9-1946 với Chính phủ Pháp là một chủ trương đúng đắn, thể hiện sự quyết đoán, nhạy bén trong nhận định tình hình, đánh giá kẻ thù và thực hiện nhân nhượng có nguyên tắc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong khoảng thời gian hơn một năm tạm hòa bình, Việt Nam đã tranh thủ những ngày tháng quý báu để xây dựng thực lực, chuẩn bị sẵn sàng bước vào một cuộc kháng chiến lâu dài, trường kỳ gian khổ.

Nhận thấy khả năng đàm phán không còn nữa, mọi nỗ lực mong muốn hòa bình, không muốn chiến tranh đều bị phía Pháp từ chối, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động, kiên quyết phát động nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc. Ngày 19-12-1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Thay mặt toàn Đảng, toàn dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, nêu rõ: “*Hỡi đồng bào toàn quốc! Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!*”

*Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*⁴.

Đảng xác định đây là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, phải tiến hành kháng chiến trên tất cả các mặt trận, từ kinh tế, chính trị, văn hóa tư tưởng, đến quân sự, ngoại giao... Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài. Phát huy cao nhất sức mạnh của toàn dân, dùng toàn lực của nhân dân tiến hành kháng chiến toàn diện. Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng, phát triển lực lượng, chuyển yếu thành mạnh và giành thắng lợi cuối cùng bằng Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

2. Những bài học kinh nghiệm

Sự kiện toàn quốc kháng chiến năm 1946 đã trở thành biểu tượng của ý chí quyết chiến, quyết thắng, khí phách kiên cường và khát vọng hòa bình, độc lập của dân tộc Việt Nam, để lại nhiều

bài học lịch sử quý đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thứ nhất, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, ý chí, quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc

Đứng trước sự lựa chọn giữa hai con đường: một là chấp nhận trở lại làm thuộc địa của Pháp; hai là đấu tranh đến cùng để giữ lấy độc lập và tự do của dân tộc, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn dân Việt Nam đã quyết tâm “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁵, “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”⁶. Ý chí quyết tâm cao độ của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với ý chí quyết chiến, quyết thắng của dân tộc Việt Nam được thể hiện ở tinh thần không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù xâm lược, quyết đánh và quyết thắng kẻ thù, bảo vệ độc lập, chủ quyền của dân tộc, là nền tảng, tiền đề vững chắc để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Ý chí độc lập, tự chủ, tinh thần quật khởi của dân tộc Việt Nam trong toàn quốc kháng chiến bắt nguồn từ lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, từ khát vọng độc lập, tự do hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam.

Thiết tha mong muốn hòa bình cho dân tộc, “một nền hòa bình trong độc lập, tự do thật sự”⁷, trên cơ sở đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo, Đảng đã khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần anh dũng, bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, phát huy được ý chí kiên cường và sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc. “Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ. Chỉ có một chí: Quyết không chịu mất nước. Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc. Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh

Tổ quốc”⁸. Sau 9 năm kháng chiến trường kỳ, gian khổ, sự nỗ lực và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã làm nên một Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. “Điện Biên Phủ như là mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã”⁹, buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ (1954) công nhận độc lập, chủ quyền của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là thắng lợi của việc giương cao ngọn cờ độc lập tự do, của chiến lược đại đoàn kết, của nghệ thuật tổ chức, dẫn dắt toàn dân đấu tranh của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hòa bình lập lại, nhưng mục tiêu giải phóng hoàn toàn đất nước, thống nhất Tổ quốc vẫn chưa đạt được, nhân dân Việt Nam phải tiếp tục một cuộc chiến đấu mới, với kẻ thù trực tiếp là đế quốc Mỹ; tiếp tục sự nghiệp đấu tranh, giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc.

Phát huy tinh thần toàn quốc kháng chiến, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập, tự do để giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối kháng chiến và đấu tranh ngoại giao với Mỹ. Đảng chủ trương mở rộng mặt trận đấu tranh ngoại giao, “vừa đánh, vừa đàm”, thực hiện nhất quán chủ trương đàm phán trực tiếp với Mỹ, giữ vững nguyên tắc và linh hoạt về sách lược, không dao động, chịu sức ép của Mỹ trên chiến trường, trên bàn hội nghị, đưa đến việc ký Hiệp định Paris (1973). Với Đại thắng mùa Xuân 1975, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, cả nước bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước đi lên xây dựng CNXH. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước một lần nữa khẳng định ý chí, khát vọng độc lập, tự do của dân tộc đã được hiện thực hóa, là minh chứng về bản lĩnh chính trị, tinh thần độc lập tự chủ của Đảng và nhân dân Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo “ý Đảng hợp với lòng dân” thì dù có gian nan, thử thách, nhân dân quyết một lòng theo Đảng, bảo vệ Đảng và đưa đường lối của Đảng thành phong trào cách mạng của quần chúng, biến mục tiêu, lý tưởng của Đảng thành hiện thực. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đã nỗ lực phấn đấu và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Sức mạnh mọi mặt của đất nước được nâng lên.

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường với cả thuận lợi, thời cơ, khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra những yêu cầu mới đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, lãnh thổ của Tổ quốc. Đó là kiên quyết, kiên trì bảo vệ “vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁰.

Tiếp tục phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển như là động lực và nguồn nội lực để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, Đảng chỉ rõ: “Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại”¹¹, không để lâm vào tình trạng bị động, nhất là trong những tình huống phức tạp, phải có phương án chủ động phòng ngừa, tránh không để rơi vào tình thế đối đầu hoặc bị cô lập; kiên quyết không để xảy ra những diễn biến phức tạp; phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, giương cao

ngọn cờ hòa bình, chính nghĩa, phù hợp với những giá trị chung của nhân loại; giải quyết hài hòa lợi ích quốc gia với lợi ích của các nước trong khu vực và trên thế giới, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; tham gia tích cực vào việc giải quyết những vấn đề chung của cộng đồng quốc tế, đóng góp thiết thực vào việc gìn giữ hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Thứ hai, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược

Khát vọng độc lập, tự do, thống nhất gắn kết toàn dân tạo nên sức mạnh vô địch. Với chiến lược và sách lược sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy, hội tụ sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc trong Mặt trận Dân tộc thống nhất, cùng nhau chung sức, đồng lòng để kháng chiến, kiến quốc, đưa sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giành thắng lợi hoàn toàn. Đại đoàn kết vừa là tư tưởng chiến lược, vừa là lời hiệu triệu để tập hợp sức mạnh toàn dân tham gia kháng chiến, bảo vệ vững chắc nền độc lập, hòa bình của dân tộc. Đảng đã tổ chức được lực lượng toàn dân trên cơ sở phát huy sức mạnh đoàn kết của các giai tầng, tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, trong đó nòng cốt là lực lượng vũ trang. Đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc đã tạo ra một thế trận vững chắc trong lòng dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng mọi kẻ thù. Hưởng ứng *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể dân tộc Việt Nam đã nhất tề đứng lên tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên quy mô cả nước. “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy

gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”¹². Toàn quốc kháng chiến đã trở thành biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết trước vận mệnh đất nước bị lâm nguy.

Kế thừa tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng tiếp tục khơi nguồn, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân, dùng sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân tộc để đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách trong mọi hoàn cảnh. Đó là sự kết hợp sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, sức mạnh của cả hệ thống chính trị; sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; trong đó lấy đại đoàn kết dân tộc làm động lực chủ yếu; lấy xây dựng “thế trận lòng dân” làm nền tảng, phát huy sức mạnh tổng hợp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đề tạo sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù, Đảng chú trọng xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, luôn đặt lợi ích của đất nước, của nhân dân lên trên hết; biết “dưỡng dân, khoan dân”; gắn chặt lợi ích quốc gia với dân tộc, để nhân dân thực sự là người làm chủ trên mọi lĩnh vực, từ đó phát huy mọi tiềm lực vật chất, tinh thần to lớn của nhân dân và sức mạnh đại đoàn kết thành động lực to lớn xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Tổng kết 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đại hội X (2006) của Đảng khẳng định: Đại đoàn kết dân tộc “là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài...”¹³. Kế thừa quan điểm của Đại hội X và Đại hội XI, Đại hội XII

(2016) của Đảng khẳng định: “Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những khác biệt không trái với lợi ích quốc gia- dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”¹⁴.

Đặc biệt, trong năm 2020, đại dịch Covid-19 đã gây nhiều thiệt hại nặng về kinh tế - xã hội, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đất nước, nhưng nhờ phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, sự tham gia đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng lòng ủng hộ của nhân dân, Việt Nam đã thực hiện được “mục tiêu kép”, kiểm soát thành công đại dịch Covid-19; từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ; khẳng định bản lĩnh, ý chí, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh hạnh phúc theo con đường xã hội chủ nghĩa

Phát động toàn quốc kháng chiến của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là một quyết định đúng đắn, phản ánh bản lĩnh, trí tuệ của Đảng, đáp ứng ý chí, khát vọng độc lập, hòa bình, tự do của toàn thể dân tộc Việt Nam. Do đó, đã khơi dậy và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Phát huy tinh thần toàn quốc kháng chiến, nhân dân Việt Nam đã thể hiện sự đồng tình ủng hộ con đường đi lên CNXH bằng việc nỗ lực phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Bên cạnh những thuận lợi, vẫn còn không ít những khó khăn, thách thức. Thêm vào đó, các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh “diễn biến hòa bình” chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN. Trong bối cảnh đó, Đảng kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn từ khi Đảng ra đời đến nay, khẳng định đây là *sự lựa chọn duy nhất đúng*. Bởi “Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau”¹⁵. “Có xây dựng tốt mới tạo sức mạnh cho bảo vệ Tổ quốc, có bảo vệ tốt mới tạo được điều kiện thuận lợi cho xây dựng đất nước”¹⁶. Chính nhờ kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, Đảng đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam giành được nhiều thắng lợi: thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ và thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước hơn 35 năm qua.

Đại hội XIII của Đảng (2021) đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, thể hiện tầm nhìn và khát vọng của Đảng và dân tộc nhằm “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc... nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”¹⁷.

Thứ tư, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Thắng lợi của toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cũng như sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc đã để lại bài học kinh nghiệm về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, xây dựng quân đội nhân dân sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy tinh thần toàn quốc kháng chiến trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đặt ra nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới nặng nề, phức tạp hơn. Mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc cũng được phát triển hoàn thiện hơn: “Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không những chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, mà còn là bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁸.

Sức mạnh của lực lượng bảo vệ Tổ quốc được thể hiện bằng “sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; sức mạnh tổng hợp của đất nước về chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt”¹⁹. Yêu cầu đó đặt ra đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân phải có quyết tâm chính trị cao, dự báo chính xác tình hình, chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống, nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Không ngừng gia tăng tiềm lực mọi mặt của quốc

gia, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và “thế trận lòng dân”, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Đặc biệt, phải coi trọng xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc từ cơ sở bằng chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, góp phần đặc lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo, củng cố niềm tin vững chắc của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.

Tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đi thẳng vào hiện đại đối với những lĩnh vực, lực lượng trọng yếu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ động phát hiện, có các phương án, đối sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa và kiểm soát tốt các nhân tố có thể gây bất lợi đột biến.

Sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu quan trọng, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”²⁰. Những thành tựu đó là kết quả của sự kế thừa và phát huy sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam, của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng hơn 90 năm qua. Đó là kết quả của tinh thần

quyết tâm chiến đấu bảo vệ cho kỳ được độc lập dân tộc, tinh thần quật khởi toàn quốc kháng chiến “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”... Đó cũng luôn là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng tạo niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước; là cơ sở vững chắc để kiên định và quyết tâm thực hiện thành công mục tiêu xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

1, 2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.1, tr. XXI, XXI

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T.8, tr. 56

4, 5, 12. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.4, tr. 534, 534, 534

6. *Sđd*, T.6, tr. 587

7. *Sđd*, T.15, tr. 530

8. *Sđd*, T.5, tr.178, 179

9. *Sđd*, T.14, tr. 315

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: “Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25-10-2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, H, 2013, tr. 3

11, 15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 66, 65

13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr.116

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 158, 159

16, 18, 19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb CTQG, H, 2015, tr. 117, 117, 119-120

17, 20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T.I, tr.110-111, 25.